

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12014/QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày 11 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo KTKT, thiết kế BVTC và Dự toán
Công trình: Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Hạng mục: Nhà điều trị Methadone**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý dự chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Nhà điều trị Methadone số 85/TĐ-KTHT ngày 01/11/2016 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại tờ trình số: 86 /TTr-KTHT ngày 02/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Nhà điều trị Methadone với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Hạng mục: Nhà điều trị Methadone.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng cấp IV.

4. Tên chủ đầu tư : Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn.

5. Tổ chức lập BC KT-KT: Công ty TNHH TVĐTXD và TM Hưng Cường.

6. Giải pháp thiết kế:

a. Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật, diện tích xây dựng 159,39m². Chiều cao nhà là 4,0m, chiều cao mái nhà là 1,90m, chiều cao từ cos nền nhà đến cos đỉnh mái là 5,90m. Mặt bằng bố trí 7 phòng gồm: Phòng bảo vệ, phòng chờ bệnh nhân, phòng hành chính và cấp phát thuốc, kho thuốc, phòng xét nghiệm, phòng khám, phòng tư vấn. Diện tích mỗi phòng là 16,8m², hành lang rộng 1,8m.

Tường nhà xây bằng gạch không nung VXM M50#, trát tường trong VXM M50#, trát tường ngoài VXM M75#. Tường lăn sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước màu.

Cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép gia cường, hoa sắt cửa sổ sắt vuông đặc 12x12mm.

Nền nhà lát gạch Ceramic kích thước 400x400mm.

Tường thu hồi xây gạch không nung VXM M50#, trát tường thu hồi VXM M50#. Hệ xà gồ mái thép hộp 80x40x1.4mm, lợp mái bằng tôn xộp chống nóng. Sàn mái BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M200#.

b. Giải pháp kết cấu:

Phần móng: Kết cấu móng đơn BTCT đá 1x2 M200#, kết hợp móng băng được xây bằng đá hộc. Giằng móng BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ, tiết diện giằng điển hình 220x300mm.

Phần thân: Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực. Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x400mm và 220x300mm; tiết diện cột điển hình 220x220mm. Sàn BTCT điển hình dày 100mm.

c. Giải pháp điện nước:

Nguồn điện cấp cho công trình dùng điện 1 pha 1 trung tính được lấy từ mạng điện hạ thế khu vực đến. Dây dẫn từ aptômat 1 cực đến các công tắc đèn, hộp số quạt dùng loại bọc PVC, cách điện 2 lớp, 2 ruột đồng 2x2,5mm; đoạn từ công tắc, hộp số đến đèn, quạt: 2x1,5mm, đoạn từ tủ điện tổng đến aptômat 1 cực dùng 2x4,0mm. Tất cả dây dẫn được đặt trong ống nhựa đi trong tường, trần.

Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC D110 và xả ra hệ thống thoát nước chung.

7. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

7.1. Giá trị dự toán: 953.796.000đ.

(Chín trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	797.223.068 đ.
- Chi phí QLDA	18.292.646 đ.
- Chi phí TVĐTXD	52.337.694 đ.
- Chi phí khác	40.523.600 đ.
- Chi phí dự phòng	45.418.850 đ.

7.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016-2017.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Y tế; Giám đốc Trung tâm y tế huyện; Giám đốc kho bạc huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung



PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

HẠNG MỤC: NHÀ ĐIỀU TRỊ METHADONE

(Kèm theo Quyết định số 12014/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	724.748.244	72.474.824	797.223.068
1	Chi phí xây dựng	724.748.244	72.474.824	797.223.068
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	18.292.646		18.292.646
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	47.579.722	4.757.972	52.337.694
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	26.090.937	2.609.094	28.700.030
2	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp	2.442.402	244.240	2.686.642
3	Chi phí giám sát thi công xây lắp	19.046.384	1.904.638	20.951.022
IV	CHI PHÍ KHÁC	37.986.981	2.536.619	40.523.600
1	Chi phí thẩm định thiết kế và dự toán	2.355.432		2.355.432
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	8.265.361		8.265.361
3	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000		2.000.000
4	Chi phí hạng mục chung	25.366.189	2.536.619	27.902.807
4.1	Chi phí lán trại tạm để ở và điều hành thi công	7.247.482	724.748	7.972.231
4.2	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	18.118.706	1.811.871	19.930.577
V	DỰ PHÒNG PHÍ	41.430.380	3.988.471	45.418.850
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	41.430.380	3.988.471	45.418.850
	TỔNG CỘNG	870.037.973	83.757.886	953.795.859
	LÀM TRÒN			953.796.000

Bảng chữ: Chín trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng/.